

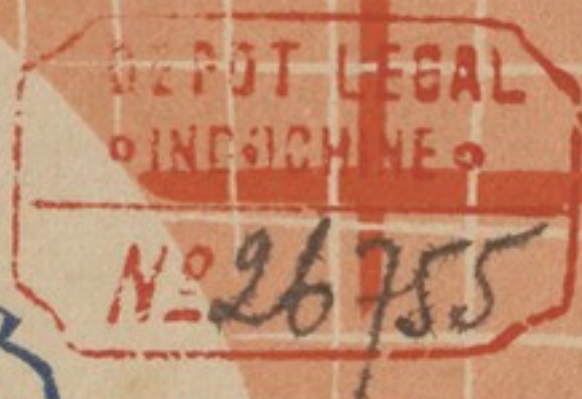
SÁCH HỒNG

SỐ 14

LÊN CHÙA

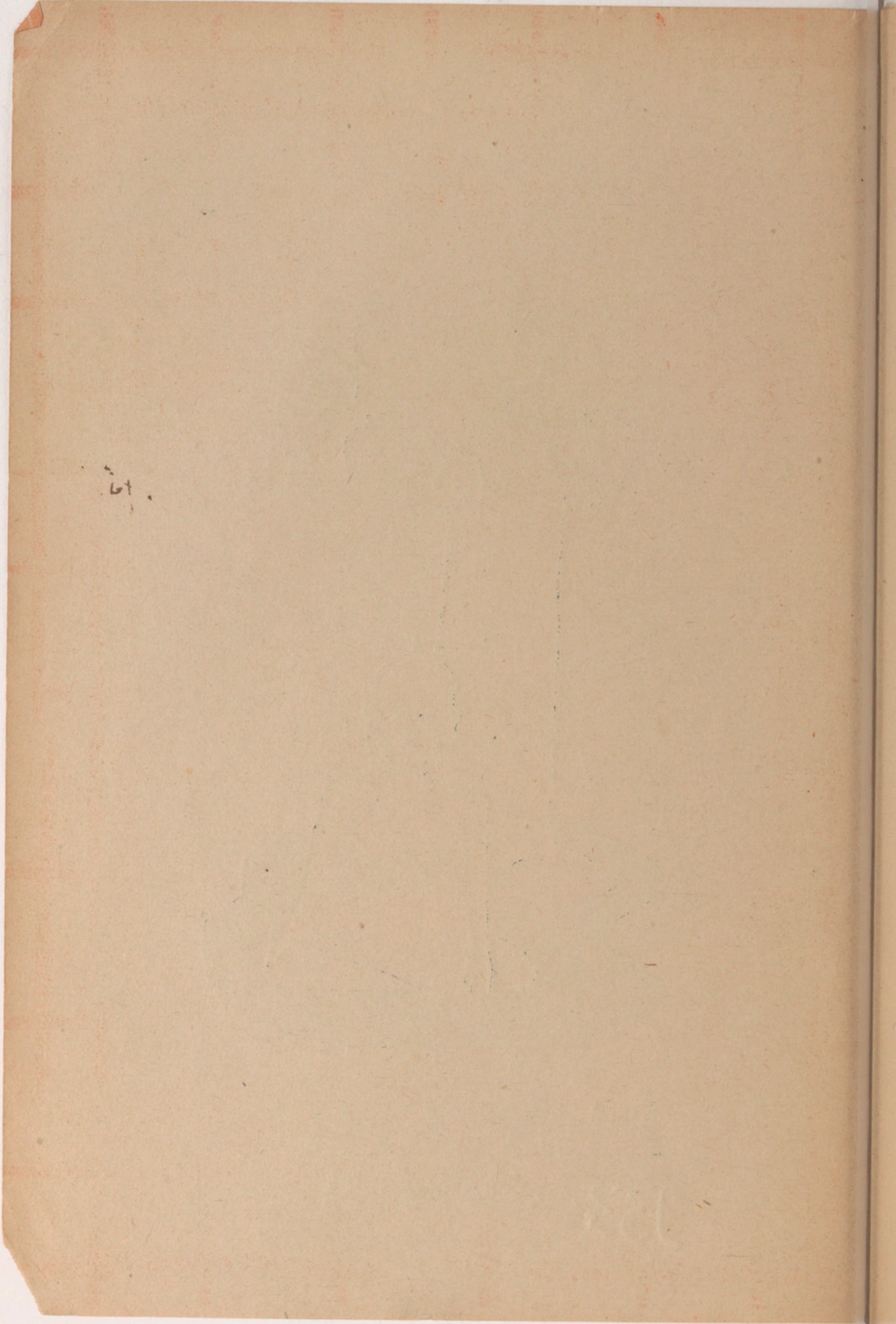
của THIÊN SĨ

ĐỜI NAY



Tiger... 8000...
Empire...
L. 1921
Huan...
Ngày nay
Sinh...
26 ai

160 Indoch
Pièce 953



LÊN CHÙA



Hôm nay là ngày rằm tháng giêng. Thời tiết mùa xuân thật ấm áp và dễ chịu.

Từ sáng sớm, bà Thân đã sửa soạn vàng hương để ra chùa lễ Phật. « Lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng », bà bảo thế. Thạch 12 tuổi, và chị Dung 14 tuổi, thấy mẹ sửa soạn đi lễ, cùng đến bên cạnh tỏ vẻ :

— Mẹ cho chúng con đi lễ với, đi mẹ.

Bà Thân đang rửa lá trầu trong chậu thau, không ngừng lên, chỉ đáp :

— Mẹ đi lễ với các bà ấy cơ mà, các con cùng đi sao được.

Dung quen làm nũng với mẹ, chưa chi đã phụng phịu nét mặt, ngồi xuống bên cạnh ;

— Sao lại không được, hử me ? Có me không muốn cho chúng con đi thì có.

Thạch nói thêm :

— Me cho chúng con đi. Con chữa được vào chùa bao giờ.

Thấy hai con vật nài, khẩn khoản, bà Thân tìm cách khác. Bà ngẩng lên, quay lại nhìn ông Thân đang ngồi đọc báo bên cạnh bàn và bảo hai con :

— Chúng con có muốn đi thì vào nói với cậu đưa đi xem. Me còn phải đi nhiều chỗ nữa rồi mới ra chùa cơ.

Dung và Thạch mừng rỡ, chạy đến bên cạnh cha, tranh nhau nói :

— Thật nhớ, cậu nhớ. Cậu đưa chúng con đi chùa nhớ. Me đã bằng lòng thế.

Ông Thân bỏ tờ báo đang đọc, giơ tay xoa đầu hai đứa trẻ kháu khỉnh, và nhìn trời, rồi nói :

— Ừ, hôm nay đẹp giờ đây. Hai con bảo me mặc quần áo cho rồi cậu đưa đi.

Dung và Thạch mừng rỡ rồi rít. Dung vội vàng vào nhà bưng thùng quần áo ra để trên giường, rồi gọi mẹ đến lấy quần áo mặc. Trong lúc ấy ông Thân cũng vào buồng thay quần áo.

* * *

Ba cha con giắt nhau ra khỏi cổng. Dung và Thạch đều mặc quần áo mới, rất tề chỉnh.

Hai chị em đều vui sướng, vì từ Tết đến giờ, trừ một buổi đến thăm nhà họ ngoại, thì hai chị em chưa được đi chơi đâu cả. Hôm nay lại được mang quần áo mới, được cậu giắt đi. Đi với cậu chúng thì hai chị em thích lắm, vì ông Thân hay kể nhiều chuyện cổ tích cho hai con nghe.

Đường đi trong làng khô ráo và sạch sẽ. Hai bên đường, là hàng rào cây xanh tươi tốt. Có cây trổ những mầm búp non non, có cây đã có những cái lá mới nho nhỏ. Một mùi hăng hắc nhẹ nhẹ phảng phất trong không khí, khiến cho người ta ngửi thấy dễ chịu.

Đi một quãng thì ra khỏi đầu làng. Dung và Thạch đã trông thấy chùa Bản. Chùa làm trên một quả đồi nhỏ, có nhiều cây bao bọc. Phía sau, trên đỉnh đồi, có mấy hàng thông già rất đẹp. Đường đi lên chùa quanh quèo, và đến lưng chừng đồi thì có bậc đá xếp lên đến Tam quan. Ngày rằm tháng giêng, nên người đi chơi chùa đông hơn mọi khi. Thỉnh thoảng ông Thân lại dừng lại chào hỏi một vài bà quen biết vừa đi lễ về.

Thạch ngây thơ hỏi cậu :

— Trong chùa có nhiều tượng không, cậu nhỉ ?

Ông Thân mỉm cười, đáp :

— Chùa nào là chùa chả có tượng. Các tượng Phật. Rồi lát nữa con vào xem sẽ biết.

Rồi ông lại dặn :

4

LỄ N CHÙA

— Vào chùa hai con phải lễ phép, kính cẩn nhé. Đừng có chạy nhầy hay nghịch ngợm. Nhất là thằng Thạch kia, không được hái hoa đấy.

— Tại làm sao cơ, a cậu ?

— Vì hoa trong chùa còn đề cúng Phật. Với lại bất cứ cái gì trong chùa cũng đều là của Phật cả. Các con chớ chạm đến.

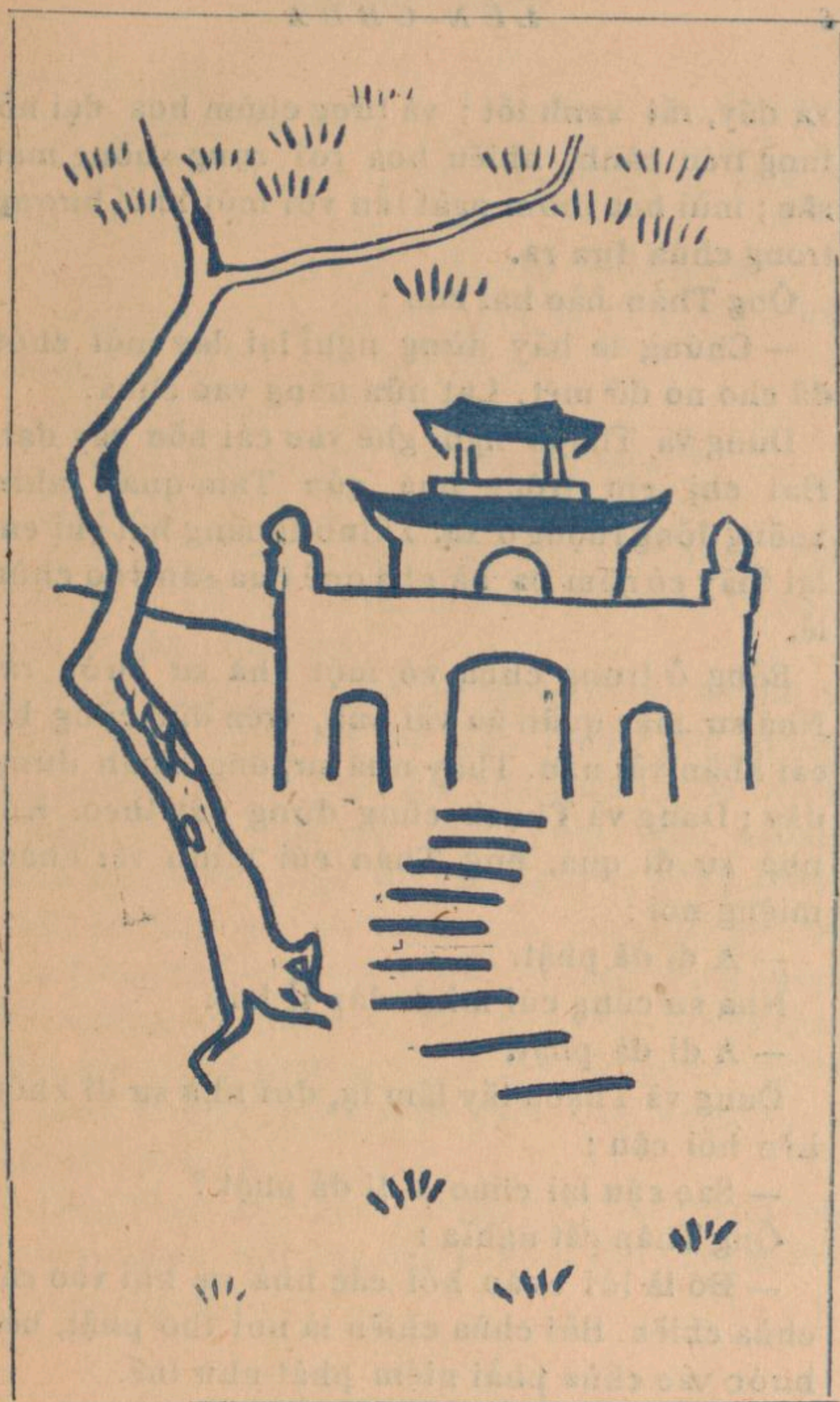
Ba người đã đến trước cửa Tam quan. Ông Thân dừng lại một chút cho hai con ngắm nghĩa. Tam quan là một cái cổng bằng gạch, hai tầng, có ba cửa ra vào : cửa giữa to, còn hai cửa bên nhỏ ; tầng trên có treo một cái khánh bằng đồng. Mái Tam quan bốn đầu đều cong vút lên, cắt nét lên nền trời trông rất rõ. Phía dưới, ngay hai bên lối cửa giữa, trên hai cái bệ đối diện nhau, có hai con sấu đá quay đầu nhìn ra như để chào khách đến chùa. Dung đề tay lên đuôi con sấu, bảo cậu :

— Trông hơi giống con chó ở nhà bác cả, cậu nhỉ ?

Ông Thân gật đầu :

— Hơi giống. Vì con sấu này có lẽ người ta cũng tạc hình theo một giống chó ở miền bắc nước Tàu. Thôi, chúng ta vào chùa đi.

Ông giắt tay Dung và Thạch bước qua cổng Tam-quan. Một cái sân vuông vắn, lát toàn gạch Bát-tràng cũ, rộng ra trước cửa chùa. Trong hai bồn đối diện nhau, ở góc sân, Dung thấy hai cây đại cồ thụ, gốc xần xùi và quần quèo. Lá đại to



và đầy, rất xanh tốt ; và từng chùm hoa đại nở tung trên cành, nhiều hoa rơi rụng xuống mặt sân ; mùi hoa thơm ngát lẫn với mùi khói hương trong chùa đưa ra.

Ông Thân bảo hai con :

— Chúng ta hãy dừng nghỉ lại đây một chút đã cho nó đỡ mệt. Lát nữa hẵng vào chùa.

Dung và Thạch ngồi ghé vào cái bồn cây đại. Hai chị em trông qua cửa Tam-quan nhìn xuống đồng ruộng ở xa. Thỉnh thoảng hai chị em lại thấy có năm ba bà nhà quê qua sân vào chùa lễ.

Bỗng ở trong chùa có một nhà sư bước ra. Nhà sư mặc quần áo vải nâu, trên đầu cũng bịt cái khăn vải nâu. Thấy nhà sư, ông Thân đứng dậy : Dung và Thạch cũng đứng dậy theo. Khi nhà sư đi qua, ông Thân cúi mình vái chào, miệng nói :

— A di đà phật.

Nhà sư cũng cúi mình đáp lễ lại :

— A di đà phật.

Dung và Thạch lấy làm lạ, đợi nhà sư đi khỏi, liền hỏi cậu :

— Sao cậu lại chào A di đà phật ?

Ông Thân cắt nghĩa :

— Đó là lời chào hỏi các nhà sư khi vào các chùa chiền. Bởi chùa chiền là nơi thờ phật, nên bước vào chùa phải niệm phật như thế.

Thạch liền hỏi :

— Phật là thế nào hở cậu ? Tại làm sao lại

phải lễ Phật?

Dung cũng hỏi theo :

— Tại sao mẹ cứ tháng nào cũng lên chùa lễ Phật để làm gì hở cậu ?

Ông Thân ngẫm nghĩ, rồi bảo hai chị em :

— Chúng con có muốn nghe sự tích đức Phật không ? Cậu kể cho mà nghe.

Dung và Thạch cùng đáp :

— Có ạ. Cậu kể cho chúng con nghe đi.

Ông Thân đứng giậy, giắt tay hai con :

— Ở đây đông người qua lại, kể không tiện. Chúng ta lên chỗ rặng thông ngồi vắng vẻ hơn. Rồi sẽ vào chùa sau.

Dung và Thạch hơn hờ theo cha đi quanh ra sau chùa, rồi trèo lên đồi. Dưới gốc thông, có những hòn đá lớn nằm ngổn ngang. Ba người chọn một hòn đá rất nhẵn nhụi, ngồi xuống. Chỗ ấy là trên đỉnh đồi. Đứng trên trông xuống thấy rõ làng mạc chung quanh, mái nhà san sát len trong các đám cây xanh ; và cánh đồng ruộng kẻ ngang kẻ dọc như bàn cờ. Con đường làng bây giờ trông như một dải lụa đỏ ngoằn ngoèo, người đi nhỏ lý tý như một đàn kiến. Cảnh rất là vui mắt.

Ông Thân ngồi giữa, Dung và Thạch ngồi nép vào hai bên. Rồi ông bắt đầu kể. Hai chị em đều chăm chú nghe :

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT TỒ (1)

« Cách đây hơn hai nghìn năm, ở bên xứ Ấn-Độ, là một xứ khi hậu nóng ở về phía tây nước ta, có một nhà vua tên gọi là Tịnh Phạn (tiếng Ấn Độ là Suddhodana), trị vì ở nước Ca-bỉ-la (Kapila-vastu). Nhà vua là người rất hiền đức, và có độ lượng. Hoàng hậu (vợ vua) là bà Ma-gia (Mâyâ). Ngày mồng tám tháng tư, vào quãng năm 560 trước tây lịch, bà Ma-gia sinh hạ được một người con giai, sau này tức là đức Thích-ca mẫu-ni (Çakyamuni), là vị tổ đạo Phật. Các sách đều chép rằng khi đức Thích Ca sinh ra, có nhiều điềm rất lạ : cả trên trời dưới đất đều rung chuyển và có ánh sáng chiếu rọi khắp bốn phương ; lại có chín con rồng vàng xuống phun nước để tắm cho Ngài, các thiên thần và thiên nữ hòa nhạc và tung hoa, v. v. Ngài sinh ra đã có tướng lạ khác người thường : trên đỉnh đầu có chỗ gồ lên, ở giữa chỗ hai lông mày giao nhau có nốt thịt gọi là « bạch ngọc bảo », ngực thì đầy đặn và có ấn hình chữ vạn. Còn diện mạo thì rất khôi ngô : mũi cao, mắt xanh và sáng quắc, miệng rộng, tai dày và dài.

Ngài sinh ra được bảy ngày thì bà mẹ mất. Vua cha bèn giao ngài cho bà dì ruột trông nom nuôi nấng.

Khi nhớn lên, ngài rất thông minh, chóng

1) Những tài liệu về đạo Phật trong sách này đều lấy ở quyển « Phật lục » của Trần trọng Kim và một vài sách khác.

hiều biết, học gì cũng hiểu hết thấy và lại có sức khỏe hơn người, hàng phục được những kẻ rất mạnh. Vua cha phong ngài làm Thái tử và cưới vợ cho Ngài. Vợ ngài là nàng Gia-du-đà-ra (Yasodhara). Hai vợ chồng ở với nhau rất là hòa thuận, yêu mến nhau, và sinh hạ được một người con gái tên là Ra-hầu-la (Rahula).

Ngài là Thái tử, nghĩa là con vua, như vậy sự giàu sang phú quý ngài có đủ cả. Ngài sống trong những cung điện rộng rãi sang trọng và có nhiều kẻ hầu người hạ. Nhưng không như những con vua khác, hay hợm mình và kiêu ngạo. Ngài rất nhân từ, có lòng thương rộng rãi đối với hết thấy mọi người và mọi loài vật.

Năm mười bốn tuổi, một hôm Thái tử theo vua cha ra ngoài thành xem dân làm ruộng. Lúc bấy giờ cũng vào tiết mùa xuân như bây giờ. Xa giá của nhà vua rất rực rỡ: có phước pháp, các quan hầu đều mặc những áo gấm, vóc cưỡi những con ngựa cao lớn, yên cương đều trạm trổ vàng bạc rất hoa mỹ. Thái tử cũng ăn mặc rất sang trọng và cưỡi con ngựa bạch cao đẹp nhất cả trong bọn. Nhưng tuy vậy, trong đám xa hoa rộng rãi ấy, Thái tử vẫn không vui, có vẻ buồn rầu ngẫm nghĩ. Vì Thái tử đã trông thấy người nông phu làm ruộng, áo quần rách rưới, và làm lưng rất khó nhọc vất vả, chân lấm tay bùn. Con trâu phải gò lưng lại kéo cày, cũng vất vả khó nhọc chẳng kém gì người nông phu. Mà mỗi nhát lưỡi cày xóc đất tên, Thái tử

lại thấy bao nhiêu sâu bọ biện ra, phần bị lười cây xén đứt, phần lại bị chim chóc tranh nhau mổ ăn. Lòng Thái tử vốn nhân từ: Ngài thương xót cho người, thương xót cho trâu và thương xót cho cả các loài sâu bọ. Sự khổ não của cả chúng sinh ấy khiến ngài buồn rầu và ngẫm nghĩ.

Về sau, khi Thái tử đã nhón lên, vào quăng mười chín, hai mươi tuổi, ngài lại ra chơi ngoài thành bốn lần nữa; những lần đi chơi ấy đều có ảnh hưởng lớn đến cái chí nguyện của Ngài.

Lần thứ nhất, ngài đi ra cửa Nam. Đi một quãng, ngài gặp một ông lão già hành khất bị què quặt, quần áo rách nát, lê trên mặt đất để đi khắp các nhà xin miếng ăn. Lần thứ hai ra cửa Bắc, ngài lại gặp một người ốm nặng, mặt xanh nhợt, chân tay co quắp, phải có mấy người dìu đỡ đi. Lần thứ ba, ra cửa Đông, ngài gặp một người nằm ở bên vệ đường, có manh chiếu rách phủ trên, ruồi nhặng bâu đầy cả. Ngài quay lại hỏi tên hầu ngựa thân cận là Xa-nặc vẫn đi hầu ngài :

— Người này làm sao thế ? Sao hắn không cử động đuổi ruồi nhặng đi ?

Người hầu thưa rằng :

— Người ấy chết rồi ; đây chỉ còn là cái xác mà thôi.

Ngài lại hỏi rằng :

— Người nào rồi cũng thế hay chỉ có một người này ?

Người hầu đáp :



— Người ta ở đời ai chả bệnh tật hay già rồi chết, tránh khỏi làm sao được.

Ngài lặng yên không nói gì. Những cảnh già nua, bệnh tật, và chết mà ngài được trông thấy trong ba cuộc đi chơi ấy khiến ngài buồn rầu. Ngài biết rằng sinh ra đời là khổ, và mọi người ở trên đời này chịu bao nhiêu nỗi đau đớn khổ sở. Nhưng làm thế nào để tránh được ?

Ngài đương suy nghĩ như vậy thì lần đi chơi thứ tư ra cửa Tây, ngài gặp một người hình dáng đoan trang, nét mặt thư thái đương từ tốn đi. Ngài lấy làm lạ, hỏi người hầu :

— Người này là thế nào mà trông có vẻ thanh thoi thế ?

— Bẩm, là một người tu hành ạ.

— Người tu hành là thế nào ?

— Là một người chuyên suy nghĩ và tìm tòi đến các lý lẽ của mọi sự, mọi vật để tìm cách giải thoát ra ngoài mọi sự khổ.

Từ đó Ngài hiểu rằng chỉ có sự tu hành là mới giải được mọi điều lo buồn khổ não ở trong thế gian. Ngày đêm, Ngài bèn nghĩ cách bỏ nhà để đi tu đạo.

Vua Tĩnh Phạn biết Thái-tử có ý ấy, hết sức can ngăn. Vì ý vua là muốn cho ngài sau này lại lên nối ngôi báu, chứ không muốn Thái-tử thành một người tu hành. Nhưng chí ngài đã quyết, không có gì lay chuyển được. Vua cha bèn nghĩ ra cách bày những trò vui chơi để ngài quên không nghĩ đến sự tu hành nữa ; một mặt Vua

ra lệnh cho quân lính canh phòng nghiêm ngặt không cho ngài đi.

Một đêm, trong cung mở tiệc yến, rất vui vẻ. Vua cha lại kén những con gái đẹp vào đàn nhạc và múa hát. Dưới ánh đèn, các ca nhi trong những bộ quần áo rực rỡ irông rất đẹp mắt, tưởng chừng như các tiên nữ. Mọi người đều mê mải vui say, duy có ngài vẫn đứng đưng như không. Đến nửa đêm, ai nấy đều an nghỉ. Ngài trở về phòng, khi đi qua chỗ các ca nhi mỹ nữ, thấy bọn này đương ngủ say như chết, nằm ngổn ngang khắp cả, đầu tóc rũ rượi và mồ hôi nhễ nhại bôi hám, không còn gì là vẻ đẹp lúc ban chiều. Ngài than rằng : « Có khác gì một đồng thịt thối không ! Chỉ là một sự ảo vọng mà thôi. » Nói xong, ngài bèn đi gọi Xa-nạc, bảo đóng ngựa để ngài đi trốn.

Bấy giờ trong cung cấm yên lặng như tờ. Đêm khuya tịch mịch. Tên hầu vào bẩm ngựa đã đóng yên cương xong, đương chờ trong vườn. Thái tử đứng dậy toan đi nhưng lại sực nhớ đến vợ và con : Thái tử bèn vào phòng bà Gia-du-đa-ra, sẽ hé cánh cửa nhìn vào thấy vợ đương ngủ, bên cạnh đứa con mũm mĩm cũng ngủ say, tay ôm lấy cổ mẹ. Trước cảnh tượng ấm cúng và êm đềm ấy, Thái tử thấy tận ngần thương mến, nhưng chí tu hành đã quyết, Thái tử ứa nước mắt, không dám đánh thức vợ con dậy, lặng lẽ đi ra khép cửa phòng lại.

Thái tử bèn lên ngựa cùng với tên hầu đi ra

ngoài thành. Đêm hôm ấy các lính canh cửa ngủ say cả, nên hai người mở cửa ra đi không ai biết. Ra khỏi thành, Thái tử dừng lại nhìn ra trước đêm tối mịt mù rộng rãi là chỗ ngài sắp dẫn thân vào, phát thệ rằng: «Nếu ta không dứt được mọi sự lo buồn khổ não mà không được cái đạo chân thực chính đẳng chính giác thì không trở về qua cửa này nữa».

Ngài đi lên phía Bắc, đến núi Tuyết-sơn, có rừng rậm. Ngài cho tên hầu giắt ngựa về, rồi lấy gươm cắt tóc, cỡi áo đòi cho một người đi săn, rồi vào sâu rừng thăm dò tìm các danh sư tu ở vùng ấy mà hỏi đạo. Khi vua Tĩnh Phạn biết Thái tử xuất gia đi tu, liền sai các quần thần đi khuyên ngài về. Nhưng chí ngài nhất quyết không đổi. Vua cha biết không thể lay chuyển được, không nài ép nữa, chỉ ngầm sai bọn Kiêu-trần-Như (Kaundynia) năm người đi tu để theo giúp đỡ ngài trong sự tu hành. Ngài vừa 29 tuổi, và từ đó người ta gọi ngài là Cồ-đàm sa-môn và sách thì thường chép là Bồ-tát chứ không gọi tên nữa.

Thời ấy, trong các rừng rú Ấn-độ, có rất nhiều người tu hành các phái, đều tu theo lối khổ hạnh, tin rằng xác thịt mình càng bị đọa đầy khổ sở bao nhiêu thì linh hồn càng được giải thoát bấy nhiêu. Ngài thấy các vị ấy đều nói tu hành để được sinh lên cõi trời. Nhưng ngài nghĩ rằng tu lên cõi trời rồi hết kiếp lại vẫn luân hồi, như thế vẫn ở trong vòng sinh, bệnh, lão, tử, chưa thật

là giải thoát được.

Ngài cùng với bọn Kiều-trần-Như đi đến chỗ gần sông Ni-liên-thiên-na (Nairandhana) ngồi tu phép khổ hạnh, nhịn ăn nhịn mặc, mỗi ngày chỉ ăn cầm hơi một hạt gạo và một hạt kê. Ngài tu như thế trong sáu năm ròng mà vẫn không thấy được đạo. Ngài nghĩ rằng : « Ta tu khổ hạnh như thế này mà không thấy rõ đạo thì cách tu vẫn chưa phải. Ta nên theo con đường giữa, cứ ăn uống như thường, không ham mê việc đời mà cũng không khắc khổ hại thân, rồi mới thành được đạo »

Nghĩ thế, rồi ngài đứng dậy xuống sông tắm. Có người đàn bà đem đến dâng ngài bát sữa ; ngài uống xong thấy trong người khoan khoái, dễ chịu. Bọn Kiều-trần-Như thấy ngài không giữ khổ hạnh nữa, tưởng ngài đã nản chí không tu nữa, bèn bỏ đi nơi khác.

Còn lại một mình, ngài bèn đến dưới cây bồ đề, giải cở làm chiếu mà ngồi, rồi phát nguyện rằng : « Nếu không giác ngộ được đạo chính đẳng chính giác thì không đứng dậy nữa. » Ngài ngồi dưới gốc cây bồ đề bốn mươi chín ngày, suy nghĩ các lẽ về sự khổ của chúng sinh và cái căn do sự biến hóa trong thế gian.

Khi Bồ tát gần đắc đạo, có hào quang chiếu sáng khắp nơi. Ma vương — tức là kẻ gây ra những việc mờ tối, mê muội ở nhân gian — thấy Bồ tát sắp thành Phật, sợ rằng Bồ tát sẽ đem chính đạo truyền ra đời thì phá tan mất cái lưới

mờ tối mê hoặc của mình, liền hiện hình làm những con gái đẹp, đến trước mặt Bồ tát để mong cảm dỗ ngài. Nhưng ngài giữ vững tâm không bị lay chuyển. Ngài chỉ tay xuống thì đất rung chuyển, rồi các thần đất hiện lên tung hoa khắp mọi nơi để kính lễ Bồ tát và xua đuổi các nữ yêu đi.

Sau khi hàng phục được Ma vương rồi, Bồ tát ngồi nhập định, đến sáng ngày rằm tháng hai lúc rạng đông, sao mai mới mọc thì giác ngộ, nghĩa là tìm được đạo. Ngài lại ngồi ở dưới cây bồ đề bảy ngày nữa, suy nghĩ. Ngài không muốn bước chân vào Nát bàn, còn muốn ở cõi trần, đem đạo truyền bá ra để cứu vớt chúng sinh khỏi chìm đắm trong bể khổ. Ngài quyết định đi thuyết pháp.

Trước hết ngài đến vườn Lộc-uyển, tìm đến bọn Kiều trần Như năm người là những người đã cùng tu với ngài từ trước, và thuyết pháp cho bọn ấy hiểu. Năm người tỉnh ngộ, đều cắt tóc mặc áo cà sa xin làm đệ tử.

Rồi Phật cùng năm người đồ đệ ấy đi thuyết pháp các nơi, lấy đạo từ bi bác ái mà dạy người và độ cho chúng sinh. Đi đến đâu cũng được vua quan cùng dân chúng tranh nhau đón rước. Những người theo đạo quy Phật, mỗi lúc hàng trăm nghìn người, Phật đều độ cho cả, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn gì cả. Phật lại trở về nước cũ, độ cho vua cha Tịnh Phạn, cho bà dì, vợ và con cùng các họ hàng. Lại lập ra



các nhà hội họp, tức là nhà chùa, để các người tu hành học đạo.

Phật đi thuyết pháp khắp nơi, không ở hẳn một chỗ nào. Cứ đến mùa hè là mùa nhiều mưa, các đệ tử lại tụ họp lại một nơi để học đạo ; đến mùa khô ráo lại đi thuyết pháp khắp trong vùng trung lưu sông Hằng Hà (Gange) là một con sông lớn chảy qua Ấn-độ.

Như thế trong 45 năm. Đến năm ngài 80 tuổi, một hôm đi đến cái rừng gần thành Càn-thi-na (Koucinagra), thấy trong mình phát bệnh nặng, biết là sắp vào Nát-bàn, bèn nghỉ lại dưới bóng hai cây bồ đề. Các đệ tử nghe nói Phật sắp mất, ai nấy đều kêu khóc xin Phật ở lại để độ chúng sinh. Phật an ủi rằng : « Ta nay vào Nát-bàn là chỉ bỏ cái hình hài mà thôi, chứ Phật, đạo của Phật và các tạng đồ vẫn thường trụ ở thế gian để tế độ chúng sinh. »

Ngày Phật mất là ngày rằm tháng hai vào quãng năm 480 trước tây lịch. Các đệ tử đem hài cốt hỏa táng, rồi chia ra làm tám phần, vua các nước rước về xây tháp để thờ. Về sau vua A-dục lại chia ra làm 8 vạn 4 nghìn phần để thờ trong 8 vạn 4 nghìn cái tháp giải giác khắp nước Ấn-độ. Các đồ đệ Phật bèn xếp đặt những quy tắc Phật đã định làm bộ luật giới, và sưu tập những lời Phật dạy làm thành các bộ kinh.

Từ đó đạo Phật dần dần truyền rộng ra các nước ở Á-đông, những nước như Ni-ba-la (Népal), Tây-Tạng, Mông-Cổ, Trung-hoa, Cao-ly,

Nhật-bản, Diên-diện, Xiêm-la, Cao-mên, Ai-lao và nước Việt-Nam ta đều theo đạo Phật cả. »

Ông Thân kể xong sự tích đức Phật cho hai con nghe, nói thêm rằng :

— Đạo Phật là một đạo cao siêu và uyên thâm, bây giờ các con chưa hiểu được. Theo đạo Phật thì người ta kiếp này chết đi lại bắt đầu kiếp khác, mãi không hết, như thế gọi là luân hồi. Mà việc gì cũng có liên lạc nhân quả với nhau ; nếu làm việc thiện thì kiếp sau được hưởng điều thiện, làm việc ác thì phải chịu điều ác. Muốn thoát ra khỏi cái vòng luân hồi, để đến thế giới cực lạc, hay Nát bàn, thì phải theo đạo Phật. Nghĩa là phải suy nghĩ cho sáng suốt, hiểu biết mọi lẽ, để tâm hồn không bị tối tăm mê muội nữa. Và phải đem lòng từ bi, thương mến mọi người, mọi vật quanh mình, chớ có làm điều ác bao giờ. Như các con còn nhỏ bây giờ, thì phải chăm chỉ học hành để hiểu biết thêm, phải giúp đỡ những người nghèo khó. Cứ làm như thế các con cũng là theo đạo Phật rồi.

Thạch và Dung đều kinh cần vâng lời, ghi nhớ lấy những điều cha dặn. Ông Thân đứng dậy, bảo hai con :

— Thôi, bây giờ chúng ta lại xuống chùa. Bây giờ xem mới có ích lợi.

VÀO XEM CHÙA

Ông Thân lại giắt Dung và Thạch men sườn

đôi xuống chùa. Câu chuyện lịch sử Phật tổ mà ông vừa mới kể cho nghe, khiến hai chị em cảm động, bàng khuâng. Khi vào trong chùa, khác với lúc trước, Dung và Thạch tự nhiên thấy phải kính cẩn, lễ phép vì hai chị em tuy còn nhỏ, cũng biết là đang vào một nơi cao quý và tôn nghiêm. Hai chị em rón rén chân đi nhẹ, và cùng đều bỏ nón mũ xuống cầm ở tay.

Ông Thân đưa hai con vào chỗ chính điện, là chỗ để thờ các tượng Phật. Trong chùa hơi tối, tuy có ánh sáng của đèn nến. Dung và Thạch ngược mắt nhìn lên, chỉ thấy các pho tượng ngồi im trên bệ, vàng son lấp lánh. Mùi hương tỏa ra thơm ngát, và khói hương cuộn từng làn xanh quẩn quít đưa lên nóc chùa.

Dung sẽ với tay cậu, hỏi khẽ :

— Sao nhiều tượng thế hở cậu ? Những tượng kia là tượng ai đấy ?

Ông Thân giắt Dung và Thạch vào tận trong cùng Điện, rồi chỉ bảo :

— Cách xếp đặt các tượng trong chùa rất là có thứ tự và ý nghĩa, chứ không phải để lộn xộn đâu. Trên cùng điện, chỗ giáp vào phía tường kia, các con có trông thấy ba pho tượng nhỏ và giống nhau đó không ? Đó là tượng Phật ; vì tóc quăn từng múi thế kia nên người ta thường gọi là Bụt ốc.

— Sao lại ba pho giống nhau hở cậu ?

— Giống nhau vì cùng là tượng Phật cả. Đó là tượng Phật Tam-thế, nghĩa là chỉ chung hết cả

các chư phật ở đời trước, ở đời hiện tại và ở đời sau. Cho nên để ở chỗ cao và xa hơn hết.

Thạch hỏi :

— Tượng ngồi xếp chân bằng tròn trên cái gì vậy ?

— Đây là tòa sen, nghĩa là cái hoa sen. Nhà Phật lấy hoa sen làm biểu hiệu, vì hoa sen là thứ hoa trong sạch thơm tho, tuy mọc ở bùn lầy mà không nhiễm mùi bùn nước.

Ông Thân lại giảng tiếp :

— Tượng Tam thế là lớp thứ nhất. Lớp thứ hai cũng có ba pho tượng. Pho giữa là tượng đức Phật A-di-đà, pho tượng bên trái là tượng đức Quan-thế-âm, pho tượng bên phải là tượng đức Đại-thế-chí. Đó là đức Phật và hai đức Bồ tát ở Tây phương Cực lạc, là cõi Phật. Những người nào tu đắc đạo thì được đến cõi ấy hưởng mọi sự sung sướng. Tuy cõi ấy là cõi Phật, nhưng có liên lạc đến cõi trần chúng ta đang sống này, cho nên để gần hơn lớp phật Tam-thế.

« Lớp thứ ba có một pho tượng lớn ngồi giữa, đây là tượng đức Thích-ca mẫu-ni. Pho tượng bên tả, hình một người ngồi trên lưng con sư tử xanh là tượng đức Văn Thù bồ tát. Pho tượng ở bên hữu ngồi trên con voi trắng là tượng đức Phổ Hiền bồ tát. (Cũng có chùa tạc hai vị đó đứng trên tòa sen). Lớp này thờ đức Phật làm giáo chủ ở cõi thế giới chúng ta ở và các vị Bồ tát giúp Phật để giáo hóa chúng sinh cho nên để ở gần ngoài.

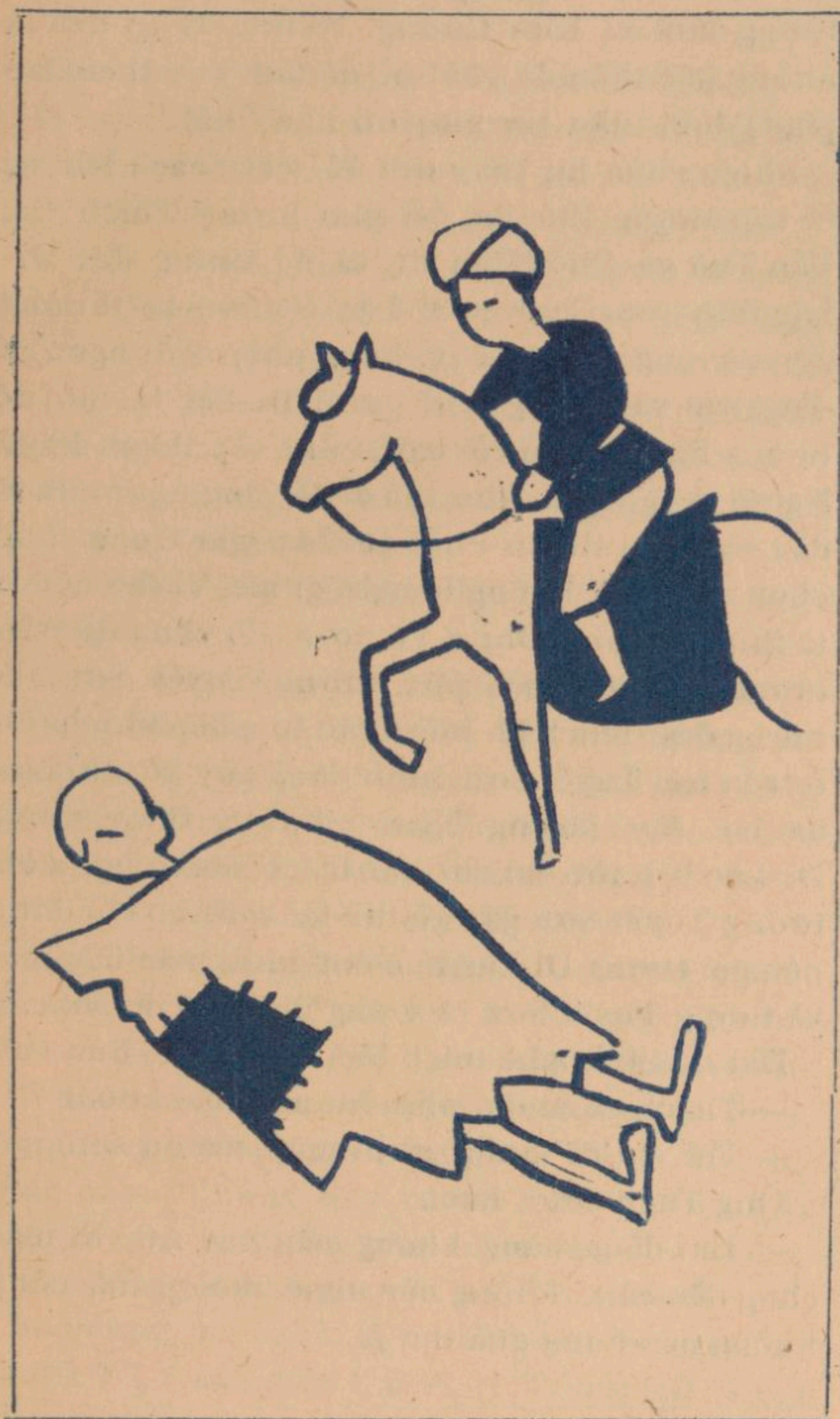
« Lớp thứ tư ngoài cùng này cũng có ba pho tượng như mấy lớp trên. Hai con nhìn kỹ pho tượng ở giữa, hình một người bé nhỏ và trẻ tuổi, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất : đó là tượng đức Thích-ca-mâu-ni lúc mới giảng sinh, chín con rồng xuống phun nước cho Ngài tắm, đoạn rồi Ngài đi bảy bước, tay tả chỉ lên trời, tay hữu chỉ xuống đất, và nói : « Trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý hơn cả. »

« Cái vòng chung quanh pho tượng đó là vòng mây, có rồng uốn, có các chữ Phật, chữ Thiên, có cờ phướn, v v. Người ta gọi pho tượng này là tượng Cửu long. Bên tả là tượng Đế Thích ngồi ngai, hình dáng một ông vua ; bên hữu là tượng Đại Phạm Thiên, cũng cùng một kiểu. Đó là theo sách nói hai vị vua này làm chủ ở cõi thế giới Sa-bà và lúc nào cũng hộ từ đức Thích Ca khi Ngài chưa thành Phật. Sa-bà thế giới là cõi đời ta ở, cho nên mới để tượng Cửu Long và tượng hai vị thiên vương kia ở ngoài cùng. »

Dung và Thạch đứng lặng yên chăm chú nghe cha giảng, vừa ngắm nghía những pho tượng. Sau cùng, Dung hỏi :

— Chùa nào cũng bày chừng này pho tượng, hờ cậu ? Hay có chùa bày khác ?

— Chùa làng ta nhỏ nên chỉ bày có thế. Còn những chùa to hơn thì thường có bày thêm hai lớp tượng nữa, là tượng Tứ Thiên Vương, mặc áo nhà vua, bày làm hai dãy đối nhau ; tức là bốn vị hộ thế. Cũng có nơi không bày Tứ Thiên



Vương, thì lại bày thay vào đấy Tứ Bồ Tát, hay tượng tám vị Kim Cương. Những vị ấy đều là những bậc thần đã phát bồ đề tâm (tin theo đạo Phật) đem thần lực giúp đỡ nhà Phật.

Nhiều chùa lại thay đổi đôi chút cách bài trí từ lớp tượng thứ ba, bỏ pho tượng Thích Ca, Văn Thù và Phổ Hiền đi, và để tượng đức Di-Lặc thay vào. Tượng Di-Lặc ở nước ta thường tạc một ông rất béo đầy, bụng phệ, ngồi ngửa ra đằng sau và miệng tươi cười. Di-Lặc là một đệ tử của Phật ở trên cõi trời, cũng sắp thành Phật. Người ta tạc hình như thế để tỏ rằng người đã tu đắc đạo gần thành Phật thì bao giờ trong lòng cũng thư thái, không lo nghĩ gì hết. Vì thế người ta thường gọi là ông « Vô lo ». Có chùa để trên tượng Di-Lặc một pho tượng Tuyết Sơn, là tượng đức Thích Ca khi đang tu phép khổ hạnh ở trên núi Tuyết Sơn, hình dáng gầy gò, chỉ còn da bọc lấy xương. Người thường thấy tượng Di-Lặc béo tốt, lại chỉ khoác có manh áo, còn tượng Tuyết Sơn gầy gò thì lại mặc áo che kín, nên gọi tượng Di-Lặc là « ông nhịn mặc mà ăn », và tượng Tuyết Sơn là « ông nhịn ăn mà mặc. »

Hai đứa trẻ nghe thích lắm. Dung hỏi đùa em:

— Thạch có muốn nhịn ăn mà mặc không ?

— Thế chị có muốn nhịn mặc mà ăn không ?

Ông Thân cười, bảo :

— Hai đảng cùng không nên cả. Ăn với mặc cũng đều cần, không nên nhịn thứ gì mà cũng không nên dùng quá thứ gì.

Thôi, bây giờ chúng ta ra ngoài điện, đi.

Ba người ra nhà bái đường, là nhà ngang liền với điện thờ Thật. Hai bên, có hai pho tượng rất lớn, dầu sát đến nóc chùa. Ông Thân giảng :

— Đây là tượng hai vị Hộ-pháp, nghĩa là hai vị thiên tướng vâng lệnh Phật để hộ trì Phật pháp. Người ta tạc tượng rất lớn để tỏ sức mạnh của hai vị ấy. Bên tả là vị Khuyển-Thiện, khuyến khích người ta làm điều thiện ; bên hữu là vị Trùng-Ác, trừng trị những tội ác. Người ta gọi tắt là ông Thiện và ông Ác.

— Có phải ông hiền lành kia là ông Thiện phải không cha ?

— Còn ông trông dữ tợn kia hẳn là ông Ác.

Dung và Thạch đến gần bên tượng ông Ác trông lên, thấy vẻ mặt ông dữ tợn, hai mắt long lanh như đương nhìn thẳng vào hai chị em để xét nét. Tự nhiên hai đứa trẻ hơi thấy rợn sợ trong lòng, lùi ra xa và nắm lấy tay cha.

Ông Thân lại giắt hai đứa đi trở cho chúng xem ban thờ thần Thổ địa, ở một góc nhà bái đường. Rồi lại dẫn hai chị em đi vào hai bên nhà hành lang, chỉ cho xem các tượng La hán, hình dung những người ngồi, hay đứng, điệu bộ khác nhau, nhưng đều có vẻ trầm ngâm nghĩ ngợi cả. Đó là những bậc đã tu đến chỗ không sinh không tử, không có gì phải học nữa.

Sau cùng, ba người đến nhà Tăng đường, hay là nhà Tổ, ở sau điện thờ Phật. Trong nhà Tăng đường có ban thờ trên đặt pho tượng thờ vị

Thánh Tăng. hoặc là đức A-nan-đa, hoặc là đức Văn Thù. Thờ đức Văn Thù là [có ý lấy tứ tuệ mà tu đạo Phật, mà thờ đức A-nan-đa, là có ý lấy sự nghe nhiều, nhớ nhiều mà tu đạo. Trong góc nhà Tăng đường ông Thân chỉ cho hai con xem pho tượng một vị sư già, vẻ mặt nhân từ :

— Đây là vị sư tổ đệ nhất, nghĩa là vị sư đầu tiên đã đến tu ở chùa này. Khi ngài chết đi, người ta bó cốt ngài làm tượng để thờ.

Ông lại chỉ hai con xem một cái ban thờ ở gian bên tả và bảo :

— Đây là bàn thờ Chư vị. Chư vị là gồm chung cả các vị thần thánh của phái đồng bóng, cùng các Tháuh Mẫu, Đức Ông, các quan lớn, v.v... Phái đồng bóng chỉ tin những sự nhảm nhí, mê muội. Phái này không có liên lạc gì với đạo Phật cả. Người ta sở dĩ lập ban thờ Chư vị ở đây là vì muốn chiêu lòng những người đến lễ bái, dâng bát hương, ngồi đồng, ngồi bóng. Nhưng cách thờ phụng như thế thực hỗn tạp, và giảm mất cái cao quý tôn nghiêm của đạo Phật đi.

...

TRỞ VỀ

Xem xong các nơi trong chùa một lượt, ông Thân bảo hai con :

— Bây giờ chúng ta lên điện chiêm bái một lần nữa, rồi ra về.

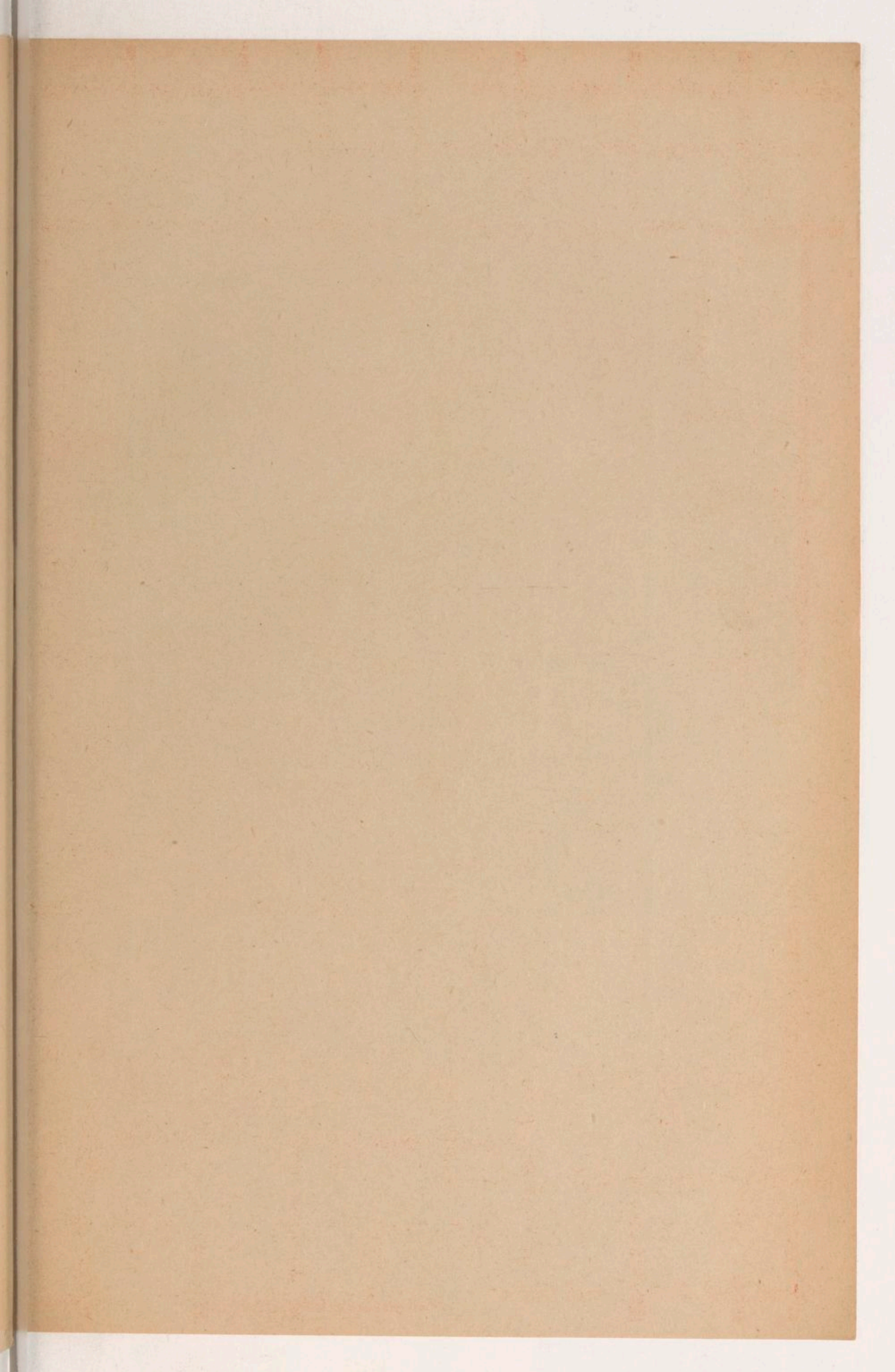


Ba người lại đi vào trong điện, đứng lặng yên. Bấy giờ trong điện, có thêm nhiều đèn nến thấp sáng; vàng son ở các pho tượng lấp lánh qua làn khói hương xanh mờ. Bỗng tiếng chuông chùa nổi lên, ngân dài từng vòng trong lạnh lạnh: làn không khí trong điện hình như rung động và Dung với Thạch thấy các pho tượng trong bóng tối bỗng như hoạt động, đương trầm ngâm trong một quầng thế giới huyền bí nào. Tuy còn trẻ, nhưng hai chị em trong lúc này cũng cảm biết rằng đương chiêm ngưỡng một sự gì cao quý và tôn nghiêm lắm.

Ba người đứng một lát rồi sẽ sẽ rón rén quay ra, nhẹ bước vì sợ làm náo động cái yên tĩnh trong chùa. Ra đến sân, trời hơi mưa bụi nhỏ; gió nhẹ thổi phơ phất các lá cây. Dung và Thạch mỗi đứa nắm lấy một tay cha, cùng theo con đường giốc xuống đồi. Một lát đã thấy hiện ra trong lũy tre xanh tốt cái cổng làng quét vôi trắng hầy còn dán câu đối giấy đỏ ngày Tết.

Dung và Thạch sung sướng vì vừa mới được vào xem chùa và được nghe kể về đạo Phật.

CHUNG



GIÁ NHẤT ĐỊNH 0\$10

SÁCH HỒNG

ĐÃ XUẤT BẢN :

- Số 1 : Ông đồ Bể của *Khái Hưng* (hết)
— 2 : Con cá thần của *Hoàng Đạo* (hết)
— 3 : Quyển Sách của *Thạch Lam* (hết)
— 4 : Hai thứ khôn của *Thế Lữ*
— 5 : Quyển sách ước của *Khái Hưng*
— 6 : Hai chị em của *Thiện Sĩ*
— 7 : Lên cung trăng của *Hoàng Đạo*
— 8 : Cóc tía của *Khái Hưng*
— 9 : Cái ấm đất của *Khái Hưng*
— 10 : Lan và Huệ của *Hoàng Đạo*
— 11 : Rô-bin-Sơn (cuốn I) của *Thế Lữ*
— 12 : Hạt ngọc của *Thạch Lam*
— 13 : Rô-bin-Sơn (cuốn II) của *Thế Lữ*
— 14 : Lên chùa của *Thiện Sĩ*

ĐƯƠNG IN :

Con chim gi sừng của *Hoàng Đạo*

NHÀ XUẤT BẢN « ĐỜI NAY »

Imp. Ngày-Nay, Hanoi